TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 3 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung chia tài sản và nợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 446/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản và nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Trúc L.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp L, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Diệp Hoàng Đ.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*:

+ Bà Lê Thị N.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị U.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Bình.

Địa chỉ: Ấp C1, xã A, huyện Đ3, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

+ Chị Lê Ngọc Đ5.

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Chị Lý Lan Anh.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ4, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2017 và lời trình bày tại phiên tòa của chị Lê Thị Trúc L thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Diệp Hoàng Đ tự nguyện chung sống vào ngày 20 tháng 11 năm 2007 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Đ tính tình nóng nảy, thường xuyên cự cãi với nhau mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, dẫn đến không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con: Chị và anh Đ có 02 người con chung gồm Diệp Hoàng Đ6 và Diệp Duy Đ7 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Duy Đ7 còn Hoàng Đ6 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có.

Về tài sản riêng: Trước khi kết hôn, chị Lê Thị B (chị ruột) cho 02 chỉ vàng 24k. Khi về chung sống với anh Đ thì bà Lê Thị N (mẹ chồng) đã mượn số vàng trên. Khi ly hôn, chị yêu cầu bà N trả lại để chị hưởng 02 chỉ vàng 24k.

Về nợ người khác:

+ Trong thời gian chung sống chị và anh Đ có mượn của chị Lê Thị B 3,5 chỉ vàng 24k và 4.000.000 đồng để thuê đất nuôi tôm tại xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Vấn đề này giữa chị và chị B đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Sau khi hết thời hạn thuê phần đất tại xã T2, chị và anh Đ về thuê phần đất diện tích 8,5 công của chị Lý Lan A tại ấp X, xã Đ4, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/9/2016 với giá thuê là 8.500.000 đồng/năm, thời hạn thuê là 03 năm bằng 25.500.000 đồng. Do không có tiền nên đã mượn của chị Lê Ngọc Đ5 17.000.000

đồng và của bà Nguyễn thị U 8.500.000 đồng để trả tiền thuê đất. Sau đó chị đã tự trả cho bà U được 4.500.000 đồng và còn thiếu lại 4.000.000 đồng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Đ cùng có nghĩa vụ đối với số nợ còn thiếu. Riêng đối với số tiền 4.500.000 đồng chị đã tự trả cho bà U thì chị không yêu cầu anh Đ trả lại.

Tại phiên tòa, đối với số tiền 17.000.000 đồng: Giữa chị và chị Đ5 đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với hợp đồng thuê đất của chị Lý Lan A: Giữa chị và chị Lan A sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn yêu cầu ghi ngày 30 tháng 11 năm 2017 của anh Diệp Hoàng Đ thể hiện đối với các khoản nợ mà chị L đã xác định như sau:*

+ Việc bà Lê Thị N (mẹ anh) có mượn 02 chỉ vàng 24k là hoàn toàn không có.

+ Anh không biết có nợ chị Lê Thị B 3,5 chỉ vàng 24k và nợ chị Lê Ngọc Đ5 17.000.000 đồng.

+ Anh thừa nhận khoản nợ của bà Nguyễn Thị U số tiền 8.500.000 đồng (đây là số tiền xỉ đồ về bán tạp hóa), đã trả được 4.500.000 đồng và còn thiếu lại 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, do điều kiện của anh, chị nên bà Phạm Thị U1 (bà ngoại) có cho mượn tổng cộng 03 lần bằng 10.000.000 đồng (do cho chị L nhận).

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 11 năm 2017, đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ghi ngày 19 tháng 12 năm 2017 và đơn yêu cầu ngày 05 tháng 3 năm 2018 của bà Nguyễn Thị U thể hiện:*

Trước đây, bà có cho chị L và anh Đ mượn 8.500.000 đồng để thuê đất của chị Lý Lan A. Khi chị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đ thì bà đã khởi kiện yêu cầu chị L và anh Đ trả số nợ trên. Do chị L đã trả 4.500.000 đồng và còn thiếu lại 4.000.000 đồng nên bà thay đổi một phần yêu cầu. Bà yêu cầu chị L và anh Đ cùng có trách nhiệm trả số nợ còn lại là 4.000.000 đồng.

Do sức khỏe nên bà từ chối tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án đối với vụ án này.

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 11 năm 2017, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của chị Lê Ngọc Đ5 thể hiện:*

Trước đây, chị có cho chị L và anh Đ mượn 17.000.000 đồng để thuê đất của chị Lý Lan A đến nay chưa trả lại nên chị yêu cầu chị L và anh Đ cùng có trách nhiệm trả số nợ trên.

Tại phiên tòa, giữa chị và chị L đã thỏa thuận xong về khoản nợ nên chị rút lại yêu cầu đã khởi kiện.

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 11 năm 2017, lời trình bày trong quá trình giải quyết và đơn rút yêu cầu khởi kiện ghi ngày 09 tháng 02 năm 2018 của chị Lê Thị B thể hiện:*

Trước đây chị có cho chị L và anh Đ mượn 3,5 chỉ vàng 24k để thuê đất ở xã Tân Thuận và mượn thêm 4.000.000 đồng để buôn bán và làm ăn (khi mượn không có làm biên nhận và không quy định thời hạn trả). Khi chị L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đ thì chị đã khởi kiện yêu cầu chị L và anh Đ cùng có trách nhiệm trả số nợ trên.

Do chị và chị L đã thỏa thuận xong về khoản nợ này nên chị rút lại các nội dung đã khởi kiện, khi có tranh chấp chị sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

** Tại xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ghi ngày 19 tháng 12 năm 2017 của chị Lý Lan A thể hiện:* Do điều kiện gia đình nên chị yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị xin từ chối tham gia việc giải quyết vụ án.

** Đối với bà Phạm Thị U1 và bà Lê Thị N:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu của chị L cũng như ý kiến của anh Đ nhưng bà U1 và bà N không có ý kiến gì đối với các nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị U1 không khởi kiện yêu cầu trả số nợ 10.000.000 đồng mà anh Diệp Hoàng Đ đặt ra nên Tòa án không triệu tập bà U1 tham gia xét xử với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị U và chị Lý Lan A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Diệp Hoàng Đ và bà Lê Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc L và anh Diệp Hoàng Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo chị L, khi về chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Đ tính tình nóng nảy, thường xuyên cự cãi với nhau mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, dẫn đến không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau và mỗi người đã có cuộc sống riêng nên đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến

gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Xét việc yêu cầu xin ly hôn của chị L, thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị L mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị L và anh Đ có 02 người con chung gồm Diệp Hoàng Đ6 và Diệp Duy Đ7 do chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi Duy Đ7 còn Hoàng Đ6 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Diệp Hoàng Đ6 vào ngày 05/12/2017 thể hiện: Hiện nay, Hoàng Đ6 đang sinh sống cùng với chị L, khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị L.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L thấy rằng, chị L đã nuôi dưỡng các cháu từ khi ly thân cho đến nay trong khi anh Đ không có ý kiến gì về yêu cầu xin nuôi con của chị L. Do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của các cháu; trên cơ sở xem xét điều kiện hiện nay của chị L nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao Hoàng Đ6 và Duy Đ7 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Do bà Nguyễn Thị U thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu chị L và anh Đ trả lại số tiền còn lại là 4.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà U không vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do chị Lê Ngọc Đ5 rút toàn bộ yêu cầu trả số tiền 17.000.000 đồng và chị Lê Thị B rút toàn bộ yêu cầu trả 3,5 chỉ vàng 24k và 4.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Đ5 và chị B là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố

tụng dân sự đình chỉ đối với toàn bộ yêu cầu của chị Đ5 và chị B đã rút. Chị Đ5 và chị B có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản và nợ:

Chị L xác định không có tài sản chung, anh Đ không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

Theo chị L, trước đây chị được chị Lê Thị B cho riêng 02 chỉ vàng 24k, khi về chung sống với anh Đ thì bà Lê Thị N đã mượn số vàng này nên chị yêu cầu bà N trả lại để cho chị hưởng. Anh Đ không thừa nhận việc bà N mượn vàng nhưng không có ý kiến phản đối hoặc yêu cầu phản tố cho nên anh Đ không có quyền, nghĩa vụ liên đới; trong khi bà N thì không có ý kiến phản đối về vấn đề này nên có căn cứ xác định bà N đã mượn của chị L 02 chỉ vàng 24k nên phải có nghĩa vụ trả lại cho chị L hưởng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Đ đều thừa nhận có thiếu bà Nguyễn Thị U 8.500.000 đồng (chị L cho rằng mượn để mướn đất còn anh Đ cho rằng đây là tiền xỉ đồ về để bán hàng) đã trả được 4.500.000 đồng và còn thiếu lại 4.000.000 đồng nên đồng ý trả lại theo yêu cầu của bà U. Xét thấy, việc thỏa thuận trả nợ giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Do vậy, buộc chị L và anh Đ trả cho bà U 4.000.000 đồng (mỗi người có trách nhiệm trả 2.000.000 đồng) là phù hợp.

[7] Quá trình giải quyết anh Đ đặt ra có thiếu bà Phạm Thị U1 10.000.000 đồng nhưng bà U1 không khởi kiện yêu cầu trả nợ nên không đặt ra xem xét; chị Lê Ngọc Đ5 và chị Lê Thị B rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết; đối với hợp đồng thuê đất giữa chị L và chị Lý Lan A: Các đương sự không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét. Các nội dung này, khi phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí phân chia tài sản chị L phải chịu 66.000 đồng [(02 chỉ vàng 24k x 3.660.000 đồng/chỉ x5%) - 300.000 đồng]; anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng; bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 366.000 đồng [(02 chỉ x 3.660.000 đồng/chỉ) x 5%]; bà Nguyễn Thị U, chị Lê Thị B và chị Lê Ngọc Đ5 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Trúc L và anh Diệp Hoàng Đ.

2. Về con: Giao Diệp Hoàng Đ6 và Diệp Duy Đ7 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ:

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của chị Lê Ngọc Đ5 yêu cầu trả 17.000.000 đồng và của chị Lê Thị B yêu cầu trả 3,5 chỉ vàng 24k và 4.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc bà Lê Thị N trả cho chị L 02 chỉ vàng 24k.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị U, buộc chị L và anh Đ mỗi người trả cho bà U 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị L phải chịu án phí trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí phân chia tài sản là 66.000 đồng. Tổng cộng chị L phải chịu 666.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án cùng ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi số 0009285 là 300.000 đồng và số 0009286 là 300.000 đồng được đối trừ và còn phải nộp tiếp 66.000 đồng.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Bà N phải chịu 366.000 đồng (chưa nộp).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị U số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009325 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Hoàn trả lại cho chị Lê Ngọc Đ5 số tiền đã nộp tạm ứng 425.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009327 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Hoàn trả lại cho chị Lê Thị B số tiền đã nộp tạm ứng 411.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009326 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn